TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Ông Hoàng Văn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh B, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TN, xã TH, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2019 và biên bản ghi lời trình bày ngày 25/4/2019, bà Võ Thị Thanh B trình bày:*

Về hôn nhân: Bà B và ông K tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới tại ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 06/01/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà B mang thai và xin phép ông K về quê ở Hà Tĩnh để dưỡng thai, từ khi bà B về quê thì ông K không quan tâm đến vợ con, bà B và ông K đã ly thân từ tháng 4 năm 2011 cho đến nay nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh K.

Về con chung: Bà B và ông K có 01 người con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 10/5/2011 (giới tính nam), hiện do bà B đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của bà B là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Võ Thị Thanh B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Minh K. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông K có nơi cư trú tại ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho ông K nhưng ông K không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà B và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông K nhưng ông K vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do, bà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B và ông K theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà B và ông K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 06/01/2011. Tại đơn khởi kiện bà B cho rằng trong thời gian chung sống giữa ông bà xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi bà xin về quê ở Hà Tĩnh để dưỡng thai thì ông K không quan tâm đến vợ con nữa, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2011 cho đến nay nên bà B yêu cầu ly hôn với ông K. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông K đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, bà B cho rằng ông K không quan tâm đến vợ con, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà B và ông K không đạt được, bà và ông K đã ly thân từ năm tháng 4 năm 2011 cho đến nay. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà B và ông K có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông K vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Võ Thị Thanh B và ông Nguyễn Minh K được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà B và ông K có 01 người con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 10/5/2011 (giới tính nam), hiện do bà B đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét thấy cháu K đã trên 07 tuổi, tại tờ tự khai ngày 03/4/2019 cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ, từ khi sinh ra cho đến nay cháu K do bà B nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của bà B. Bà B không đặt ra yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà B xác định bà và ông K không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà B xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản làm việc với người làm chứng ngày 19/4/2019 xác nhận vợ chồng bà B với ông K không có ai yêu cầu về nợ đối với vợ chồng ông bà tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Võ Thị Thanh B và ông Nguyễn Minh K.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thanh B về việc ly hôn với ông Nguyễn Minh K.

2.1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh B và ông Nguyễn Minh K được ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà B tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 10/5/2011 (giới tính nam), ông K không cấp dưỡng nuôi con.

Ông K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 03 tháng 4 năm 2019 bà B có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0006064 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-UBND xã Tân Hương;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh